

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

Số
NH
TC
ĐT
IV
V
A
H

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Minh Tân	Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Thomas Hermansen	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên	15 tháng 5 năm 2012	-
Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	21 tháng 4 năm 2012
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	27 tháng 6 năm 2009	15 tháng 5 năm 2012
Ông Trần Thanh Nguyên	Thành viên	01 tháng 4 năm 2006	21 tháng 4 năm 2012
Ông Hồ Quốc An	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	21 tháng 4 năm 2012

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Hương Giang	Trưởng ban	21 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Bà Trần Thu Lan	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lê Trung Hà	Trưởng ban	23 tháng 4 năm 2011	21 tháng 4 năm 2012

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Tổng Giám đốc	19 tháng 9 năm 2012	-
Ông Lâm Thiếu Quân	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2000	19 tháng 9 năm 2012

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,




NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 119-21-11 (FY 2012)

**Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý về báo cáo tài chính của Công ty không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và trình bày báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính gây ra bởi gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, mà không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng những bằng chứng kiểm toán chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Giới hạn phạm vi kiểm toán

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 6, 15 và 33 trong Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh (“QMC”) và Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh (“QEC”). Tuy nhiên, hiện tại do chưa có cơ sở để xác định được một cách chắc chắn giá trị thu hồi của các khoản đầu tư vào QMC và QEC, cũng như khoản dự phòng phải thu khó đòi cần thiết đối với khoản hỗ trợ tài chính cho QEC, khoản nợ tiềm tàng từ việc Công ty đồng ý sẽ chịu rủi ro trong trường hợp Công ty TNHH Phần Mềm Tiên Phong không thu đủ công nợ từ QEC, Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong do việc thu hồi còn phụ thuộc nhiều vào phương án thanh lý QEC và Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong trong tương lai. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được chắc chắn giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư vào QMC, QEC giá trị thu hồi đối với khoản hỗ trợ tài chính cho QEC, cũng như rủi ro phát sinh khi Công ty TNHH Phần Mềm Tiên Phong không thu đủ nợ từ QEC và Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu ở đoạn trên tới các báo cáo tài chính, nếu có, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ mười lăm tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với các báo cáo tài chính của các công ty con. Các báo cáo tài chính hợp nhất và các báo cáo tài chính của các công ty con được lập và phát hành riêng biệt.

Công việc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về các báo cáo tài chính cơ bản một cách tổng thể. Những thông tin bổ sung tại Phụ lục 1 đến Phụ lục 3 từ trang 33 đến trang 39 không phải là một phần của báo cáo tài chính cơ bản này. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các thông tin này. Những thông tin này không phụ thuộc vào các thủ tục kiểm toán chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán các báo cáo tài chính cơ bản của Công ty, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về những thông tin này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231




NGUYỄN QUỐC TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 6 năm 2013


NGUYỄN MẠNH TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV
Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 tại ngày 31 tháng 3 năm 2013
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.716.813.974	118.588.630.561
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	7.283.112.192	19.167.261.167
Tiền	111		7.283.112.192	16.167.261.167
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120		4.250.216.228	4.463.502.300
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121	4	9.890.216.228	4.463.502.300
Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn	129	5	(5.640.000.000)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.436.679.442	41.840.795.640
Phải thu khách hàng	131	31	22.008.232.067	32.307.046.209
Trả trước cho người bán	132		9.312.106.893	6.516.511.108
Phải thu khác	135	6; 31	29.112.798.170	3.291.434.988
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7	(996.457.688)	(274.196.665)
Hàng tồn kho	140	8	29.241.506.629	44.059.847.892
Hàng tồn kho	141		32.013.826.385	45.834.973.940
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.772.319.756)	(1.775.126.048)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.505.299.483	9.057.223.562
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		238.187.852	288.172.948
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.061.735.760	4.548.375.529
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		31.861.171	12.016.278
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	3.173.514.700	4.208.658.807
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.356.695.521	188.419.264.334
Tài sản cố định	220		81.918.533.306	87.894.432.406
Tài sản cố định hữu hình	221	10	59.754.314.977	64.705.238.270
- Nguyên giá	222		70.817.947.476	70.919.340.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.063.632.499)	(6.214.102.255)
Tài sản cố định vô hình	227	11	22.164.218.329	23.189.194.136
- Nguyên giá	228		24.573.957.371	24.573.957.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.409.739.042)	(1.384.763.235)
Các khoản đầu tư dài hạn	250		71.310.659.119	97.577.570.019
Đầu tư vào công ty con	251	12	91.671.659.119	88.833.570.019
Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	4.230.000.000	4.230.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	14	4.800.000.000	8.214.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	259	15	(29.391.000.000)	(3.700.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		3.127.503.096	2.947.261.909
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	3.127.503.096	2.947.261.909
TỔNG TÀI SẢN	270		261.073.509.495	307.007.894.895

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		114.401.130.019	149.252.085.251
Nợ ngắn hạn	310		61.721.189.156	103.385.715.355
Vay và nợ ngắn hạn	311	17	19.019.533.659	16.746.822.636
Phải trả người bán	312	31	15.870.498.697	48.634.401.251
Người mua trả tiền trước	313		11.967.406.348	9.599.506.461
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18	78.074.700	2.394.792.619
Phải trả người lao động	315		1.309.463.245	1.963.253.159
Chi phí phải trả	316	19	3.629.956.221	307.346.773
Phải trả khác	319	20; 31	5.327.752.853	18.502.578.012
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.178.686.620	2.499.046.836
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.339.816.813	2.737.967.608
Nợ dài hạn	330		52.679.940.863	45.866.369.896
Phải trả dài hạn khác	333		2.675.583.029	1.228.632.200
Vay dài hạn	334	21	49.155.012.834	44.065.205.078
Dự phòng phải trả dài hạn	337		849.345.000	531.386.891
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	41.145.727
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		146.672.379.476	157.755.809.644
Vốn chủ sở hữu	410	22	146.672.379.476	157.755.809.644
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127.711.950.000	116.103.990.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.680.000)	(15.680.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418		418.774.747	293.589.662
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.557.334.729	41.373.909.982
TỔNG NGUỒN VỐN	440		261.073.509.495	307.007.894.895

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	153.502.892.031	158.591.833.552
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	(1.371.763.408)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	153.502.892.031	157.220.070.144
Giá vốn hàng bán	11	24; 32	(114.206.502.113)	(126.373.848.062)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.296.389.918	30.846.222.082
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	38.981.227.740	26.896.418.777
Chi phí tài chính	22	26	(47.529.849.686)	(10.525.321.501)
Chi phí bán hàng	24	32	(14.810.908.543)	(14.279.530.047)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	32	(11.473.970.205)	(10.013.095.107)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.462.889.224	22.924.694.204
Thu nhập khác	31		875.554.120	206.625.151
Chi phí khác	32		(76.567.618)	(53.752.536)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	40		798.986.502	152.872.615
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.261.875.726	23.077.566.819
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	(63.499.725)	(1.643.341.238)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	22	5.198.376.001	21.434.225.581

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:




NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế trong kỳ/năm	01		5.261.875.726	23.077.566.819
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		7.507.315.177	3.206.832.763
Thay đổi các khoản dự phòng	03		33.238.641.735	3.830.291.687
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		240.575.829	235.952.435
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(37.486.623.014)	(26.621.657.292)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	06		(156.681.744)	(12.202.942)
Chi phí lãi vay	07		13.557.709.912	6.649.522.953
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động				
	08		22.162.813.621	10.366.306.423
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(10.514.921.510)	7.304.304.726
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		13.821.147.555	(22.394.222.605)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(41.682.253.627)	12.985.037.608
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		1.090.147.920	(224.989.107)
Tiền lãi vay đã trả	13		(13.345.904.939)	(6.517.754.146)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.778.204.167)	(2.679.553.085)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.033.576.107	672.498.373
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(215.807.825)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động kinh doanh	20		(29.213.599.040)	(704.179.638)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Mua tài sản cố định	21		(2.782.838.344)	(43.198.820.338)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		187.700.000	43.590.910
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.997.848.664)	(8.141.393.764)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.414.773.345	7.057.388.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.838.089.100)	(9.131.450.725)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.464.000.000	17.982.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.018.368.962	28.961.112.292
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư	30		24.466.066.199	(6.427.573.625)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		47.219.928.795	67.893.867.028
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34		(38.807.410.016)	(36.641.802.613)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.323.552.400)	(9.287.064.800)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động tài chính	40		(6.911.033.621)	21.964.999.615

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ/NĂM	50		(11.658.566.462)	14.833.246.352
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ/NĂM	60	3	19.167.261.167	4.363.720.094
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(225.582.513)	(29.705.279)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ/NĂM	70	3	7.283.112.192	19.167.261.167

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

BỘ SUNG THUYẾT MINH VỀ GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong kỳ/năm có các giao dịch bằng không bằng tiền chủ yếu sau:

Nội dung	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Cán trừ khoản đầu tư dài hạn với khoản vay ngắn hạn	1.050.000.000	-
Chuyển khoản đầu tư ngắn hạn thành đầu tư dài hạn	300.000.000	-
Góp vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.607.960.000	-
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	8.393.530.355

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật cao ITD) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301596604 (trước đây là số 063371) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 1 năm 1999. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề kinh doanh, mở văn phòng đại diện và thay đổi trụ sở chính.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1, đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có 2 văn phòng đại diện tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; đại lý môi giới, đấu giá, lắp đặt hệ thống điện; hoạt động thiết kế chuyên dụng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; sửa chữa máy móc, thiết bị; hoạt động viễn thông có dây; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; hoạt động viễn thông khác; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện; lắp trình máy vi tính; và bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 127.711.950.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Ông Nguyễn Anh Dũng	1.523.890	11,93%	1.385.355	11,93%
Công ty TNHH TM DV Kiều Phong	791.000	6,19%	1.000.000	8,61%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	1.576.835	12,35%	1.576.835	13,58%
Vietnam Investment Limited	1.074.183	8,41%	1.074.183	9,25%
Các cổ đông khác	7.803.719	61,12%	6.574.026	56,63%
	12.769.627	100%	11.610.399	100%

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty có 77 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 85 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến được thừa nhận ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ và nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của các công ty con được lập và phát hành riêng biệt.

2.2. Năm tài chính

Trong kỳ, Công ty đã thay đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 sang ngày 31 tháng 3. Năm tài chính đầu tiên sau khi chuyển đổi bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013. Các năm tài chính tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3. Các báo cáo tài chính này được lập cho kỳ mười lăm (15) tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013.

2.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Công ty phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Các tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua được tài sản tài chính đó.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Các khoản nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành các khoản nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.6. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	2

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

2.10. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá quyền sử dụng đất phản ánh tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê Lô A1, Đường 20, Khu E - Office, Phường Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010. Giá trị hao mòn cho Quyền sử dụng đất được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 31 năm.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Bản quyền

Bản quyền trình bày giá mua nhượng quyền kinh doanh trạm thu phí giao thông. Bản quyền được phản ánh theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm, bắt đầu từ đầu năm 2008.

2.11. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua cho tới ngày thanh lý.

2.12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gôn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gôn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

Nâng cấp văn phòng

Nâng cấp văn phòng được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai năm đến năm năm.

2.13. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 2% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.15. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo quy định của Luật Lao động của Việt Nam, người lao động có quyền được hưởng một khoản trợ cấp thôi việc dựa trên số năm làm việc của họ. Khoản trợ cấp thôi việc này sẽ được trả một lần khi người lao động nghỉ việc tại Công ty. Khoản trợ cấp thôi việc được lập vào cuối mỗi năm tài chính trên cơ sở ước tính các khoản phải trả cho những người lao động nghỉ việc cho thời gian họ làm việc cho Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và người lao động phải đóng góp một khoản quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Với việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không yêu cầu phải trích trợ cấp thôi việc cho giai đoạn sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc trả cho người lao động làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được xác định dựa trên số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương trung bình trong sáu tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

2.16. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

<u>Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</u>	<u>Tỷ lệ trích</u>
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản lợi ích.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

2.19. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các Công ty con, công ty liên kết và các công ty liên kết của Công ty con.

2.22. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.23. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.24. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được công bố trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.25. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Tiền mặt	39.277.374	187.706.051
Tiền gửi ngân hàng	7.243.834.818	15.979.555.116
Các khoản tương đương tiền (các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	3.000.000.000
	7.283.112.192	19.167.261.167

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	7.916	12.439
- Euro ("EUR")	176.537	3.251

4. Các khoản đầu tư ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay cung cấp cho QEC với lãi suất 16,2% một năm	5.640.223.228	-
Khoản vay cung cấp cho QMC với lãi suất 16,2% một năm (2011: 4% một năm).	3.429.030.500	2.781.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong với lãi suất 16,2% một năm (2011: 18% một năm)	500.000.000	800.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong với lãi suất 16,2% một năm (2011: 16,2% một năm)	300.000.000	200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng	20.962.500	682.502.300
	9.890.216.228	4.463.502.300

5. Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn

Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn trình bày khoản dự phòng khoản đầu tư vào QEC.

6. Phải thu khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Khoản cho QEC mượn (*)	19.999.999.932	-
Khoản cho mượn, phải thu phúc lợi và lãi cho mượn các công ty con và công ty liên kết	4.983.891.458	1.197.177.628
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3.779.420.000	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ chưa kê khai	206.115.426	1.429.410.270
Chi hộ cho các đơn vị ủy thác xuất và nhập khẩu	-	483.740.736
Phải thu khác	143.371.354	181.106.354
	29.112.798.170	3.291.434.988

(*) Khoản này phản ánh khoản hỗ trợ tài chính cho QEC để trả một phần nợ vay gốc cho ACB đồng thời để công ty thu hồi 1.200.000 cổ phiếu công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu (thuộc sở hữu của công ty) đã thế chấp tại ACB để bảo lãnh khoản vay cho QEC. Sau khi trả khoản này, ở thời điểm kết thúc năm tài chính, QEC có số dư nợ gốc vay của ACB là 41.803 triệu VNĐ (chưa kể lãi vay và phạt quá hạn) được đảm bảo bằng tài sản của chính QEC (quyền sử dụng đất, nhà xưởng, máy móc thiết bị) và bảo lãnh của công ty và QMC. Công ty chưa lập dự phòng phải thu khoản khó đòi cho khoản này tại ngày 31 tháng 03 năm 2013 do không thể xác định được một cách chắc chắn giá trị thu hồi của các khoản phải thu này do việc thu hồi còn phụ thuộc nhiều vào phương án thanh lý QEC trong tương lai.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	274.196.665	188.512.636
Tăng trong kỳ/năm	1.003.271.936	91.411.954
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(92.823.909)	(5.727.925)
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi trong kỳ/năm	(188.187.004)	-
Số dư cuối kỳ/năm	996.457.688	274.196.665

8. Hàng tồn kho

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.769.547.320	30.629.315.276
Hàng hóa	10.244.279.065	15.205.658.664
	32.013.826.385	45.834.973.940
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.772.319.756)	(1.775.126.048)
	29.241.506.629	44.059.847.892

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	1.775.126.048	1.165.558.117
Tăng trong kỳ/năm	997.193.708	672.022.870
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	-	(62.454.939)
Số dư cuối kỳ/năm	2.772.319.756	1.775.126.048

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Ký quỹ bảo lãnh bảo hành dự án	1.594.668.630	2.307.245.937
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	1.400.135.070	1.573.849.870
Tạm ứng	178.711.000	327.563.000
	3.173.514.700	4.208.658.807

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	61.170.651.719	278.418.783	5.996.223.616	3.418.229.927	55.816.480	70.919.340.525
Tăng trong kỳ	939.176.718	1.080.144.000	-	763.517.626	-	2.782.838.344
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.220.404.011)	-	-	-	-	(1.220.404.011)
Phân loại lại	(16.302.235.854)	16.302.235.854	-	-	-	-
Thanh lý	-	(28.215.628)	(372.887.273)	(1.243.854.481)	(18.870.000)	(1.663.827.382)
Số dư cuối kỳ	44.587.188.572	17.632.583.009	5.623.336.343	2.937.893.072	36.946.480	70.817.947.476
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	(849.592.383)	(223.873.328)	(2.323.817.832)	(2.761.002.232)	(55.816.480)	(6.214.102.255)
Hao mòn trong kỳ	(2.295.491.192)	(2.612.259.053)	(1.089.512.460)	(485.076.665)	-	(6.482.339.370)
Phân loại lại	668.017.535	(668.017.535)	-	-	-	-
Thanh lý	-	28.215.628	372.887.273	1.212.836.225	18.870.000	1.632.809.126
Số dư cuối kỳ	(2.477.066.040)	(3.475.934.288)	(3.040.443.019)	(2.033.242.672)	(36.946.480)	(11.063.632.499)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	60.321.059.336	54.545.455	3.672.405.784	657.227.695	-	64.705.238.270
Số dư cuối kỳ	42.110.122.532	14.156.648.721	2.582.893.324	904.650.400	-	59.754.314.977

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại xấp xỉ 903 triệu VNĐ được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (31 tháng 12 năm 2011: 1.340 triệu VNĐ và 499 triệu VNĐ được thế chấp lần lượt tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Lê Văn Sỹ để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn của Công ty (xem Thuyết minh số 17).

Tòa nhà ITD và máy móc thiết bị với giá trị còn lại lần lượt là 42.110 triệu VNĐ và 13.119 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và Quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số 11) được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương – Chi nhánh Nam Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty (xem Thuyết minh số 21).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 2.099 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2011: 3.394 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	24.053.529.245	190.428.126	330.000.000	24.573.957.371
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	(929.728.621)	(180.034.614)	(275.000.000)	(1.384.763.235)
Hao mòn trong kỳ	(959.582.295)	(10.393.512)	(55.000.000)	(1.024.975.807)
Số dư cuối kỳ	(1.889.310.916)	(190.428.126)	(330.000.000)	(2.409.739.042)
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	23.123.800.624	10.393.512	55.000.000	23.189.194.136
Số dư cuối kỳ	22.164.218.329	-	-	22.164.218.329

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại xấp xỉ 22.164 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 23.124 triệu VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương – Chi nhánh Nam Sài Gòn để đảm bảo khoản vay dài hạn cho Công ty (xem Thuyết minh số 21).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 520 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2011: 133 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

12. Đầu tư vào công ty con

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	% quyền sở hữu	VNĐ	% quyền sở hữu	VNĐ
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	50,51%	35.167.529.294	50,51%	35.167.529.294
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (*)	44,99%	21.894.629.825	43,57%	20.507.530.725
Công ty TNHH Một thành viên Phần mềm Tiên Phong	100%	9.900.000.000	100%	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	71,79%	9.260.660.000	71,79%	9.260.660.000
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	82,74%	8.193.880.000	82,74%	8.193.880.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến (**)	57,13%	7.254.960.000	59,27%	5.803.970.000
		91.671.659.119		88.833.570.019

(*) Công ty được nhận ủy quyền quyền biểu quyết của các cổ đông cá nhân với tỷ lệ 9,3% vốn cổ phần thực góp trong Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 9,3%) để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu là 54,29% tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2011: 52,87%).

(**) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301442611 điều chỉnh lần thứ 7 ngày 27 tháng 7 năm 2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến đã tăng vốn điều lệ từ 9.946.680.000 VNĐ lên 12.884.290.000 VNĐ. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty đã đầu tư 7.254.960.000 VNĐ, tương đương 57,13% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến (31 tháng 12 năm 2011: 5.803.970.000 VNĐ, tương đương 59,27%).

13. Đầu tư vào công ty liên kết

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	% quyền sở hữu	VNĐ	% quyền sở hữu	VNĐ
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong (*)	69,84%	2.310.000.000	69,84%	2.310.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	32%	1.920.000.000	32%	1.920.000.000
		4.230.000.000		4.230.000.000

(*) Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0310056838 ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong, quyền biểu quyết của Công ty là 25%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty đã đầu tư 2.310 triệu đồng, tương đương 69,84% trong vốn góp thực tế (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.310 triệu đồng, tương đương 69,84%).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	3.000.000.000	4.050.000.000
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.800.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	-	2.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Toàn Cầu	-	14.000.000
	4.800.000.000	8.214.000.000

15. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	3.700.000.000	921.000.000
Tăng trong kỳ/năm	27.157.376.077	2.779.000.000
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(1.466.376.077)	-
Số dư cuối kỳ/năm	29.391.000.000	3.700.000.000

Số dư khoản dự phòng cuối kỳ/năm bao gồm:

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh (*)	20.975.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	2.674.000.000	-
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong	2.139.000.000	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.681.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh (*)	1.922.000.000	-
Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	-	800.000.000
	29.391.000.000	3.700.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty đã đầu tư vào QEC dưới hai hình thức góp vốn trực tiếp khoảng 3 tỷ VNĐ và đầu tư gián tiếp thông qua QMC là 46,17 tỷ VNĐ (chiếm 70,44% vốn điều lệ) vào QEC. QEC phát sinh lỗ lũy kế khoảng 42,17 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2013. Bên cạnh đó, QEC nhận được thông báo từ ngân hàng cho vay yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay trước hạn và phải trả số tiền vay đến hạn là 41,8 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2013. Do tình hình hoạt động và tài chính của QEC đang gặp khó khăn, Hội đồng Quản trị của QEC đang trong quá trình lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết dự án nhà máy QEC nhằm giảm thiểu thiệt hại cho các cổ đông. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của QEC tại thời điểm lập báo cáo này là không chắc chắn.

Hiện tại, QMC chưa lập dự phòng giảm giá đầy đủ cho các khoản đầu tư vào QEC do không đánh giá được chắc chắn khả năng thu hồi khoản đầu tư này. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty đã tự ước tính thiệt hại của QMC từ QEC để trích lập dự phòng liên quan đến QEC bao gồm: dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào QEC là: 1,9 tỷ VNĐ và dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn vào QMC là: 20,9 tỷ VNĐ. Tổng vốn góp của Công ty vào QMC là 35,17 tỷ VNĐ (Công ty chiếm 50% trong tổng vốn góp 71,28 tỷ VNĐ của QMC). QMC đã góp vốn vào QEC là 46 tỷ VNĐ (QMC chiếm 70% trong tổng vốn góp 65,54 tỷ VNĐ của QEC). Vốn chủ sở hữu đến ngày 31 tháng 3 năm 2013 của QMC là 85 tỷ VNĐ, Công ty ước tính vốn chủ sở hữu QMC giảm xuống còn 29 tỷ VNĐ do những ảnh hưởng từ QEC. Dựa trên giá trị giảm vốn chủ sở hữu này của QMC, Công ty trích lập dự phòng giảm giá trị đầu tư dài hạn đối với khoản góp vốn vào QMC tương ứng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại QMC. Khoản ước tính giảm vốn chủ sở hữu QMC gồm thiệt hại của QMC trong khoản lỗ 42 tỷ VNĐ của QEC và toàn bộ nợ gốc QMC đã cho QEC vay.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vi vậy, Ban Giám đốc Công ty cho rằng, hiện chưa thể đánh giá chắc chắn được con số thiệt hại thực tế tại QEC do còn tùy thuộc vào phương án thanh lý QEC trong tương lai. Việc trích lập dự phòng trên nhằm đảm bảo tính cẩn trọng và an toàn tài chính. Do vậy, trong năm tài chính 2013, tùy thuộc vào tình hình QEC mà Công ty có thể sẽ ghi nhận thêm chi phí từ thiệt hại QEC (làm giảm lợi nhuận) hoặc hoàn nhập dự phòng (làm tăng lợi nhuận).

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn	Nâng cấp văn phòng	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	815.060.326	2.132.201.583	2.947.261.909
Tăng trong kỳ	-	90.198.242	90.198.242
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	1.220.404.011	1.220.404.011
Phân bổ trong kỳ	(29.918.935)	(966.249.761)	(996.168.696)
Phân bổ chi phí cho các công ty con	-	(134.192.370)	(134.192.370)
Số dư cuối kỳ	785.141.391	2.342.361.705	3.127.503.096

17. Vay và nợ ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản vay từ ngân hàng (a)	5.809.533.659	5.412.471.796
Các khoản vay từ các bên liên quan (b)	10.460.000.000	3.781.000.000
Các khoản vay từ cá nhân (c)	-	3.750.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	2.750.000.000	3.803.350.840
	19.019.533.659	16.746.822.636

- (a) Các khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 10) và Quyền sử dụng đất, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản khác của một số thành viên Hội đồng Quản trị. Các khoản vay ngắn hạn này chịu lãi suất từ 12,5% đến 19,6% một năm (2011: 16,5% đến 20% một năm).
- (b) Khoản vay 10.460 triệu VNĐ từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu, không được đảm bảo và chịu lãi suất từ 16,2% một năm (2011: các khoản vay từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu và Công ty TNHH TM DV Kiều Phong với số tiền tương ứng là 2.781 triệu VNĐ và 1.000 triệu VNĐ với lãi suất 14% một năm).

18. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.860.783	1.737.565.225
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	8.517.444	154.944.238
Thuế thu nhập cá nhân	46.696.473	502.283.156
	78.074.700	2.394.792.619

19. Chi phí phải trả

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Trích trước chi phí cho các dự án	3.381.058.750	23.518.650
Chi phí lãi vay	140.897.471	175.828.123
Chi phí dịch vụ chuyên môn	108.000.000	108.000.000
	3.629.956.221	307.346.773

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Phải trả khác

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản phải trả các công ty liên quan (*)	3.418.999.625	8.717.894.500
Các khoản phải trả các cá nhân (*)	1.600.000.000	8.970.000.000
Tài sản thừa chờ xử lý	285.840.407	285.840.407
Nhận đặt cọc, ký quỹ dài hạn	-	493.077.000
Phải trả khác	22.912.821	35.766.105
	5.327.752.853	18.502.578.012

(*) Các khoản phải trả các công ty liên quan và các cá nhân cho mượn tiền không cần đảm bảo bằng các tài sản và không chịu lãi suất.

21. Vay dài hạn

	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay (*)	51.905.012.834	47.623.560.918
Khoản vay	-	244.995.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	(2.750.000.000)	(3.803.350.840)
	49.155.012.834	44.065.205.078

(*) Khoản vay dài hạn với hạn mức 60.000 triệu VNĐ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn cho việc thực hiện xây dựng tòa nhà ITD, khoản vay được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ ngày hoàn thành của tòa nhà ITD cho đến tháng 12 năm 2018, tòa nhà ITD được hoàn thành vào tháng 12 năm 2011. Khoản vay được bảo đảm bởi chính tòa nhà ITD và Quyền sử dụng đất của Công ty (xem Thuyết minh số 10 và 11) và chịu lãi suất từ 15% đến 21% một năm (2011: 19% đến 21% một năm).

22. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	116.103.990.000	(15.680.000)	-	31.785.708.648	147.874.018.648
Lãi thuần trong năm	-	-	-	21.434.225.581	21.434.225.581
Trích lập các quỹ	-	-	293.589.662	(1.985.318.219)	(1.691.728.557)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.287.064.800)	(9.287.064.800)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm 2009 và 2010	-	-	-	(573.641.228)	(573.641.228)
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2012	116.103.990.000	(15.680.000)	293.589.662	41.373.909.982	157.755.809.644
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.607.960.000	-	-	(11.607.960.000)	-
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	5.198.376.001	5.198.376.001
Trích lập các quỹ	-	-	125.185.085	(1.083.438.854)	(958.253.769)
Chia cổ tức	-	-	-	(15.323.552.400)	(15.323.552.400)
Số dư, ngày 31 tháng 3 năm 2013	127.711.950.000	(15.680.000)	418.774.747	18.557.334.729	146.672.379.476

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn điều lệ được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn điều lệ được phê duyệt	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1.568)	(15.680.000)	(1.568)	(15.680.000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	12.769.627	127.696.270.000	11.608.831	116.088.310.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Biến động của vốn điều lệ trong kỳ/năm:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	11.610.399	116.103.990.000	11.610.399	116.103.990.000
Phát hành trong kỳ/năm (*)	1.160.796	11.607.960.000	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000

(*) Ngày 9 tháng 3 năm 2012, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định về việc chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung các cổ phiếu phát hành thêm với số lượng 1.160.796 cổ phiếu, tương đương 11.607.960.000 VNĐ. Số cổ phiếu phát hành thêm này để trả cổ tức cho năm 2010 (xem Thuyết minh số 29). Ngày niêm yết có hiệu lực bắt đầu từ ngày 13 tháng 3 năm 2012.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng hóa	96.871.290.561	125.263.263.918
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	56.631.601.470	33.328.569.634
Tổng doanh thu	153.502.892.031	158.591.833.552
Khoản giảm trừ doanh thu – hàng bán bị trả lại	-	(1.371.763.408)
Doanh thu thuần	153.502.892.031	157.220.070.144

24. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giá vốn của hàng hóa	70.438.405.630	93.853.976.434
Giá vốn cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	42.770.902.775	31.910.303.697
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	997.193.708	609.567.931
	114.206.502.113	126.373.848.062

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Cổ tức và lợi nhuận được chia	37.566.895.341	14.802.148.611
Lãi cho vay	959.292.334	268.958.792
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	125.435.339	2.002.488.354
Lãi tiền gửi không có kỳ hạn	181.683.529	126.061.535
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	54.735.049	100.443.310
Lãi từ việc bán các khoản đầu tư dài hạn	21.000.000	9.422.000.000
Khác	72.186.148	174.318.175
	38.981.227.740	26.896.418.777

26. Chi phí tài chính

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	25.691.000.000	2.779.000.000
Chi phí lãi vay	13.557.709.912	6.649.522.953
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	6.400.833.168	-
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1.186.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	412.180.837	857.109.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	240.575.829	235.952.435
Khác	41.549.940	3.736.116
	47.529.849.686	10.525.321.501

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Nghị định Số 60/2012/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành Nghị quyết Số 29/2012/NQ-QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp và cá nhân ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các hoạt động của Công ty đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó Công ty được giảm 30% thuế TNDN cho toàn bộ năm 2012.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ/năm hiện hành	63.499.725	1.643.341.238
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	-	-
Chi phí thuế TNDN	63.499.725	1.643.341.238

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.261.875.726		23.077.566.819	%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	1.315.468.932	25,0%	5.769.391.705	25,0%
Thu nhập không chịu thuế được chia từ các công ty con	(9.391.723.835)	(178,5%)	(3.700.537.153)	(16,0%)
Chi phí không được khấu trừ	418.131.387	7,9%	110.674.145	0,5%
Ảnh hưởng của giảm thuế	-	-	(536.187.459)	(2,0%)
Ảnh hưởng của các khoản chênh lệch tạm thời	7.721.623.241	146,7%	-	-
	63.499.725	1,2%	1.643.341.238	7,5%

Thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại tính trên khoản chênh lệch tạm thời không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 vì tại ngày lập báo cáo này chưa có cơ sở chắc chắn tới phạm vi nào khoản lợi ích trong tương lai của tài sản đó sẽ được thực hiện.

28. Lãi trên cổ phiếu

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

29. Cổ tức

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 21 tháng 4 năm 2012 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt là 15.324 triệu VNĐ (đây là lần chia cổ tức cho toàn bộ năm 2011 và bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức).

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho năm 2010 bằng cổ phiếu (xem Thuyết minh số 22) theo tỉ lệ chia cổ tức bằng 10% mệnh giá và theo tỉ lệ phân bổ quyền 10:1 (mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được 1 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cứ 10 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu thì được nhận thêm 1 cổ phiếu mới) cho những cổ đông hiện hữu của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty ngày 23 tháng 4 năm 2011.

30. Mục đích và chính sách rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro như: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua và bán phát hành bằng các đồng tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR như sau:

	31 tháng 3 năm 2013		31 tháng 12 năm 2011	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền	7.916	176.537	12.439	3.251
Trả trước cho người bán	-	4.500	15.054	16.140
Tài sản ngắn hạn khác	49.000	-	49.000	-
	56.916	181.037	76.493	19.390
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	447.826	2.444	999.971	140.502
Vay ngắn hạn	-	-	8.030	-
	447.826	2.444	1.008.001	140.502

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty đã niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các Công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong năm vừa qua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến loại rủi ro khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý bằng cách đảm bảo phần lớn hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
31 tháng 3 năm 2013				
Vay và nợ vay	19.019.533.659	39.101.253.208	10.053.759.626	68.174.546.493
Phải trả người bán	15.870.498.697	-	-	15.870.498.697
Người mua trả tiền trước	4.565.925.480	7.401.480.868	-	11.967.406.348
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	78.074.700	-	-	78.074.700
Chi phí phải trả	3.629.956.221	-	-	3.629.956.221
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.327.752.853	2.675.583.029	-	8.003.335.882
	48.491.741.610	49.178.317.105	10.053.759.626	107.723.818.341
31 tháng 12 năm 2011				
Vay và nợ vay	16.746.822.636	29.411.801.719	14.653.403.359	60.812.027.714
Phải trả người bán	48.634.401.251	-	-	48.634.401.251
Người mua trả tiền trước	8.188.540.461	1.410.966.000	-	9.599.506.461
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	2.394.792.619	-	-	2.394.792.619
Chi phí phải trả	307.346.773	-	-	307.346.773
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.502.578.012	-	1.228.632.200	19.731.210.212
	94.774.481.752	30.822.767.719	15.882.035.559	141.479.285.030

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn dự tính cho tài sản tài chính phi phái sinh của công ty. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của các tài sản tài chính gồm lãi sẽ có được từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và nợ.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 3 năm 2013			
Đầu tư ngắn hạn	9.890.216.228	-	9.890.216.228
Phải thu khách hàng	22.008.232.067	-	22.008.232.067
Trả trước cho người bán	9.132.106.893	-	9.132.106.893
Phải thu khác	29.112.798.170	-	29.112.798.170
	70.143.353.358	-	70.143.353.358
31 tháng 12 năm 2011			
Đầu tư ngắn hạn	4.463.502.300	-	4.463.502.300
Phải thu khách hàng	32.307.046.209	-	32.307.046.209
Trả trước cho người bán	6.516.511.108	-	6.516.511.108
Phải thu khác	3.291.434.988	-	3.291.434.988
	46.578.494.605	-	46.578.494.605

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Mượn tiền	-	1.450.000.000
	Chuyển nhượng cổ phiếu	50.000.000	-

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Bản chất của số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản phải trả			
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Phải trả phi thương mại	-	(50.000.000)

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.460.175.000	2.286.571.364

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ/năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(403.406.287)	(2.203.427.612)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	2.802.694.910	924.890.697
		Cổ tức nhận được	11.561.897.200	12.670.656.800
		Phí nhượng quyền	3.140.329.219	1.575.047.000
		Góp vốn	-	1.784.000.000
		Lãi vay	(461.846.850)	(46.659.000)
		Vay	(13.340.500.000)	(2.781.000.000)
		Mượn tiền	(5.600.000.000)	(834.000.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.965.585.030)	(44.897.044.053)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.723.673.904	706.168.461
		Cổ tức nhận được	3.558.840.000	228.123.000
		Phí nhượng quyền	340.998.174	981.492.000
		Góp vốn	-	3.904.650.000
		Cho vay	3.048.030.500	2.781.000.000
		Lãi cho vay	67.949.833	46.659.000
		Mua tài sản cố định	(661.416.584)	(13.432.337.061)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin Thông	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(581.148.463)	(1.776.782.110)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.233.095.179	397.047.815
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(53.417.492)	(134.732.003)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	2.313.293.589	1.106.215.655
		Phí nhượng quyền	1.426.640.717	1.187.884.954
		Cổ tức nhận được	10.084.273.806	897.279.962
		Phạt trả chậm cổ tức	72.055.920	-
		Mượn tiền	(5.500.000.000)	-
		Lãi cho vay	-	161.974.536
		Góp vốn	1.450.990.000	140.000.000
Công ty TNHH MTV Phần mềm Tiên Phong	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(5.623.407.547)	(9.182.000.000)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	863.281.178	239.933.183
		Nhận cổ tức	8.500.000.000	-
		Mượn tiền	(975.000.000)	-
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(56.666.120)	(281.483.685)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.423.194.507	617.569.396
		Cổ tức nhận được	3.687.246.000	819.388.000
		Phí nhượng quyền	737.710.627	940.212.276
		Lãi cho vay	-	81.899.792
		Mượn tiền	-	(2.100.000.000)
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Góp vốn	-	200.000.000
		Bán hàng hoá và dịch vụ	41.225.531	79.047.454
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(126.376.045)	-
		Lãi cho vay	40.209.333	-
		Cho vay	120.000.000	200.000.000
		Cho mượn	19.500.000	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
			kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.257.400.794)	-
		Bán hàng hóa và dịch vụ	908.702.525	-
		Cổ tức nhận được	174.638.335	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hoá và dịch vụ	7.177.500	15.807.061
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.460.819.922)	-
		Mua tài sản cố định	(980.000.000)	-
		Phạt trả chậm mua cổ phiếu	-	(21.235.500)
		Cho vay	6.718.223.228	5.000.000.000
		Lãi cho vay	696.823.168	-
		Cho mượn	22.654.299.932	-
		Góp vốn	-	1.430.000.000
Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	30.880.250	36.324.303
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Lãi cho vay	129.740.000	140.400.000
		Bán hàng hóa và dịch vụ	862.778.906	-
		Góp vốn	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	744.986.742	-
		Chuyển nhượng vốn góp	-	7.820.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	460.563.110	42.422.222

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Công ty con	Phải thu thương mại	2.273.037.194	1.866.567.039
		Phải thu phi thương mại	13.916.749.625	113.675.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Phải thu thương mại	2.221.759.599	1.182.563.551
		Phải thu phi thương mại	9.038.450.500	3.347.659.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Công ty con	Phải thu thương mại	329.526.894	567.071.509
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con	Phải thu thương mại	7.524.498.429	3.216.035.465
		Phải thu phi thương mại	-	645.715.272
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty con	Phải thu thương mại	1.036.762.551	986.017.662
Công ty TNHH MTV Phần mềm Tiên Phong	Công ty con	Phải thu thương mại	17.392.629	333.128.890
		Phải thu phi thương mại	2.000.000.000	144.000.000
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	211.161.685	165.813.599
		Phải thu phi thương mại	383.510.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	520.216.876	1.055.791
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại	4.417.311	17.152.561
		Phải thu phi thương mại	26.337.046.328	-
Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Phải thu thương mại	5.406.000	16.937.567
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Phải thu thương mại	578.026.997	-
		Phải thu phi thương mại	832.660.000	1.010.829.092
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải thu thương mại	75.928.451	233.254.997
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Bên liên quan	Phải thu thương mại	168.519.358	63.452.605
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Công ty con	Phải trả thương mại	(16.059.060)	-
		Phải trả phi thương mại	(3.143.999.625)	(9.377.659.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Phải trả thương mại	(548.283.854)	(8.180.643.407)
		Phải trả phi thương mại	(173.042.136)	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Công ty con	Phải trả thương mại	(23.522.712)	(58.608.000)
		Phải trả phi thương mại	(129.828.000)	(129.828.000)
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty con	Phải trả thương mại	(29.962.152)	(155.783.223)
		Phải trả phi thương mại	(136.020.000)	(2.226.066.000)
Công ty TNHH MTV Phần mềm Tiên Phong	Công ty con	Phải trả thương mại	(836.160.000)	(6.235.200.000)
		Phải trả phi thương mại	(275.000.000)	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con	Phải trả phi thương mại	(237.380.100)	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải trả phi thương mại	-	(840.285.462)
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(16.030.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(102.200.000)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(1.606.901.914)	(21.235.500)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(84.967.785)	-

32. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Chi phí hàng hóa xuất bán	71.355.040.793	93.853.976.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.809.008.335	44.263.706.839
Chi phí công nhân viên	18.411.649.725	16.540.213.778
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.507.315.177	3.206.832.763
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	2.403.462.411	613.665.451
Chi phí khác	5.004.904.420	3.178.612.420

33. Các khoản nợ tiềm tàng

Theo biên bản thỏa thuận ngày 31 tháng 3 năm 2013 giữa Công ty và Công ty TNHH Phần mềm Tiên Phong, để hoạt động tại Công ty TNHH Phần mềm Tiên Phong không bị ảnh hưởng từ quyết định của Công ty mẹ đối với việc cho QEC và Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong vay/mượn với số tiền tương ứng khoảng 9.941 triệu VNĐ và 290 triệu VNĐ, đồng thời đảm bảo cho kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Phần mềm Tiên Phong phản ánh đúng hiệu quả từ hoạt động kinh doanh chính, Công ty sẽ chịu phần rủi ro trong trường hợp Công ty TNHH Phần mềm Tiên Phong không thu hồi đủ khoản nợ từ QEC theo quyết định của tòa án khi QEC bị tuyên bố phá sản hoặc khi QEC, Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong hoàn tất thanh lý tài sản để giải thể. Theo đó, công ty chưa có cơ sở để xác định được một cách chắc chắn giá trị thu hồi của các khoản phải thu này do việc thu hồi còn phụ thuộc nhiều vào phương án thanh lý Công ty QEC trong tương lai.

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 3 năm 2012 (Chưa kiểm toán)	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	104.716.813.974	112.388.675.892	118.588.630.561
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7.283.112.192	2.163.529.182	19.167.261.167
Tiền	111	7.283.112.192	1.941.932.498	16.167.261.167
Các khoản tương đương tiền	112	-	221.596.684	3.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	4.250.216.228	4.276.752.300	4.463.502.300
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121	9.890.216.228	4.276.752.300	4.463.502.300
Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn	129	(5.640.000.000)	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	59.436.679.442	44.401.221.151	41.840.795.640
Phải thu khách hàng	131	22.008.232.067	37.323.622.280	32.307.046.209
Trả trước cho người bán	132	9.312.106.893	4.667.475.804	6.516.511.108
Phải thu khác	135	29.112.798.170	2.684.319.732	3.291.434.988
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(996.457.688)	(274.196.665)	(274.196.665)
Hàng tồn kho	140	29.241.506.629	53.344.160.405	44.059.847.892
Hàng tồn kho	141	32.013.826.385	55.119.286.453	45.834.973.940
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(2.772.319.756)	(1.775.126.048)	(1.775.126.048)
Tài sản ngắn hạn khác	150	4.505.299.483	8.203.012.854	9.057.223.562
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	238.187.852	310.762.675	288.172.948
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	1.061.735.760	4.699.849.491	4.548.375.529
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	31.861.171	31.861.171	12.016.278
Tài sản ngắn hạn khác	158	3.173.514.700	3.160.539.517	4.208.658.807

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và 31 tháng 3 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 3 năm 2012 (Chưa kiểm toán)	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	156.356.695.521	188.724.265.269	188.419.264.334
Tài sản cố định	220	81.918.533.306	85.831.425.842	87.894.432.406
Tài sản cố định hữu hình	221	59.754.314.977	62.856.960.039	64.705.238.270
- Nguyên giá	222	70.817.947.476	69.915.736.514	70.919.340.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(11.063.632.499)	(7.058.776.475)	(6.214.102.255)
Tài sản vô hình	227	22.164.218.329	22.974.465.803	23.189.194.136
- Nguyên giá	228	24.573.957.371	24.573.957.371	24.573.957.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(2.409.739.042)	(1.599.491.568)	(1.384.763.235)
Các khoản đầu tư dài hạn	250	71.310.659.119	98.964.669.119	97.577.570.019
Đầu tư vào công ty con	251	91.671.659.119	90.220.669.119	88.833.570.019
Đầu tư vào công ty liên kết	252	4.230.000.000	4.230.000.000	4.230.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.800.000.000	8.214.000.000	8.214.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	259	(29.391.000.000)	(3.700.000.000)	(3.700.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260	3.127.503.096	3.928.170.308	2.947.261.909
Chi phí trả trước dài hạn	261	3.127.503.096	3.928.170.308	2.947.261.909
TỔNG TÀI SẢN	270	261.073.509.495	301.112.941.161	307.007.894.895

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 và 31 tháng 3 năm 2012
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	31 tháng 3 năm 2013	31 tháng 3 năm 2012 (Chưa kiểm toán)	31 tháng 12 năm 2011
NỢ PHẢI TRẢ	300	114.401.130.019	141.386.253.958	149.252.085.251
Nợ ngắn hạn	310	61.721.189.156	90.361.538.317	103.385.715.355
Vay và nợ ngắn hạn	311	19.019.533.659	18.913.342.460	16.746.822.636
Phải trả người bán	312	15.870.498.697	38.028.525.917	48.634.401.251
Người mua trả tiền trước	313	11.967.406.348	7.241.339.665	9.599.506.461
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	78.074.700	1.222.681.330	2.394.792.619
Phải trả người lao động	315	1.309.463.245	51.329.091	1.963.253.159
Chi phí phải trả	316	3.629.956.221	362.830.251	307.346.773
Phải trả khác	319	5.327.752.853	19.794.285.465	18.502.578.012
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	2.178.686.620	2.636.617.751	2.499.046.836
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.339.816.813	2.110.586.387	2.737.967.608
Nợ dài hạn	330	52.679.940.863	51.024.715.641	45.866.369.896
Phải trả dài hạn khác	333	2.675.583.029	1.951.804.436	1.228.632.200
Vay dài hạn	334	49.155.012.834	48.467.900.587	44.065.205.078
Dự phòng phải trả dài hạn	336	849.345.000	563.864.891	531.386.891
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	41.145.727	41.145.727
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	146.672.379.476	159.726.687.203	157.755.809.644
Vốn chủ sở hữu	410	146.672.379.476	159.726.687.203	157.755.809.644
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	127.711.950.000	127.711.950.000	116.103.990.000
Cổ phiếu quỹ	414	(15.680.000)	(15.680.000)	(15.680.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418	418.774.747	293.589.662	293.589.662
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18.557.334.729	31.736.827.541	41.373.909.982
TỔNG NGUỒN VỐN	440	261.073.509.495	301.112.941.161	307.007.894.895

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
 Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 12 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 và kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (Chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 (Chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33.141.037.053	120.361.854.978	153.502.892.031	158.591.833.552
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	(1.371.763.408)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	33.141.037.053	120.361.854.978	153.502.892.031	157.220.070.144
Giá vốn hàng bán	11	(25.825.854.277)	(88.380.647.836)	(114.206.502.113)	(126.373.848.062)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	7.315.182.776	31.981.207.142	39.296.389.918	30.846.222.082
Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.153.084.744	36.828.142.996	38.981.227.740	26.896.418.777
Chi phí tài chính	22	(2.922.835.547)	(44.607.014.139)	(47.529.849.686)	(10.525.321.501)
Chi phí bán hàng	24	(2.525.548.667)	(12.285.359.876)	(14.810.908.543)	(14.279.530.047)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(1.908.618.631)	(9.565.351.574)	(11.473.970.205)	(10.013.095.107)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.111.264.675	2.351.624.549	4.462.889.224	22.924.694.204
Thu nhập khác	31	142.840.704	732.713.416	875.554.120	206.625.151
Chi phí khác	32	(106.476)	(76.461.142)	(76.567.618)	(53.752.536)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	40	142.734.228	656.252.274	798.986.502	152.872.615
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.253.998.903	3.007.876.823	5.261.875.726	23.077.566.819
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(63.499.725)	-	(63.499.725)	(1.643.341.238)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.190.499.178	3.007.876.823	5.198.376.001	21.434.225.581

Người lập:



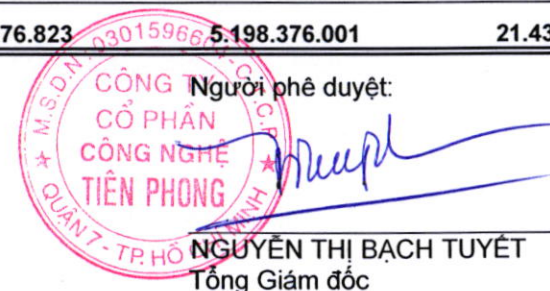
TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG

Kê toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT

Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC III - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 và

kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (Chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 (Chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế trong kỳ/năm	01	2.253.998.903	3.007.876.823	5.261.875.726	23.077.566.819
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
Khấu hao tài sản cố định	02	1.262.893.115	6.244.422.062	7.507.315.177	3.206.832.763
Thay đổi các khoản dự phòng	03	-	33.238.641.735	33.238.641.735	3.830.291.687
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(10.580.922)	251.156.751	240.575.829	235.952.435
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(2.043.878.423)	(35.442.744.591)	(37.486.623.014)	(26.621.657.292)
Lãi từ thanh lý tài sản	06	-	(156.681.744)	(156.681.744)	(12.202.942)
Chi phí lãi vay	07	2.842.468.779	10.715.241.133	13.557.709.912	6.649.522.953
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08	4.304.901.452	17.857.912.169	22.162.813.621	10.366.306.423
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.678.833.535)	(7.836.087.975)	(10.514.921.510)	7.304.304.726
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	(9.284.312.513)	23.105.460.068	13.821.147.555	(22.394.222.605)
(Tăng)/giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11	1.756.319.712	(43.438.573.339)	(41.682.253.627)	12.985.037.608
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	(22.589.727)	1.112.737.017	1.090.147.920	(224.989.107)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.974.524.361)	(10.371.380.578)	(13.345.904.939)	(6.517.754.146)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.000.000.000)	(778.204.167)	(1.778.204.167)	(2.679.553.085)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	884.224.500	149.351.607	1.033.576.107	672.498.373
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	155.270.790	(155.270.790)	-	(215.807.825)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động kinh doanh	20	(8.859.543.682)	(20.354.055.358)	(29.213.599.040)	(704.179.638)

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC III - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 và kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (Chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 (Chưa kiểm toán)	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(274.448.302)	(2.508.390.042)	(2.782.838.344)	(43.198.820.338)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	187.700.000	187.700.000	43.590.910
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.100.000.000)	(11.897.848.664)	(14.997.848.664)	(8.141.393.764)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.286.750.000	6.128.023.345	9.414.773.345	7.057.388.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.387.099.100)	(1.450.990.000)	(2.838.089.100)	(9.131.450.725)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.464.000.000	1.464.000.000	17.982.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.084.620.944	31.933.748.018	34.018.368.962	28.961.112.292
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động đầu tư	30	609.823.542	23.856.242.657	24.466.066.199	(6.427.573.625)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	11.514.461.129	35.705.467.666	47.219.928.795	67.893.867.028
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34	(4.945.245.796)	(33.862.164.220)	(38.807.410.016)	(36.641.802.613)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.323.552.400)	-	(15.323.552.400)	(9.287.064.800)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động tài chính	40	(8.754.337.067)	1.843.303.446	(6.911.033.621)	21.964.999.615
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ/NĂM	50	(17.004.057.207)	5.345.490.745	(11.658.566.462)	14.833.246.352
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ/NĂM	60	19.167.261.167	2.163.529.182	19.167.261.167	4.363.720.094
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	325.222	(225.907.735)	(225.582.513)	(29.705.279)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ/NĂM	70	2.163.529.182	7.283.112.192	7.283.112.192	19.167.261.167

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC III - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 và

kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

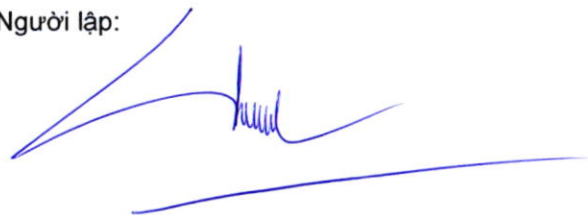
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BỘ SUNG THUYẾT MINH VỀ GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong kỳ/năm có các giao dịch bằng không bằng tiền chủ yếu sau :

Nội dung	Cho kỳ ba tháng	Cho kỳ mười hai tháng	Cho kỳ mười lăm tháng	Cho năm tài chính
	kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (Chưa kiểm toán)	kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 (chưa kiểm toán)	kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Cần trừ khoản đầu tư dài hạn với khoản vay ngắn hạn	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-
Chuyển khoản đầu tư ngắn hạn thành đầu tư dài hạn	-	300.000.000	300.000.000	-
Góp vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.607.960.000	-	11.607.960.000	-
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	-	-	8.393.530.355

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 6 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

